TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 73/2021/HS-ST
Ngày 13-08-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Cường
2. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 06 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên **Lưu Văn N,** sinh năm 1998 tại xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Q, sinh năm 1977 và bà Vi Thị H, sinh năm 1977; chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 18/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam ra quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn18 tháng; ngày 28/05/2021 bị Công an huyện Lục Nam ra quyết định xử phạt 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/04/2021 đến nay (có mặt).

Bị hại:

+ Anh Đặng Văn A, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1999 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ Q quan:

+ Anh Lê Thế D, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 75 K, thị trấn X, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang
+ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
+ Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố Z, xã thị trấn X, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lưu Văn N, sinh năm 1998 ở thôn M, xã T, huyện Lục Nam là đối tượng nghiện ma túy. Do cần tiền mua ma túy và để sử dụng nhu cầu cá nhân. Trong các ngày 26/03/2021 và 31/03/2021, N đã có hành vi trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Hành vi trộm cắp tài sản: Tối ngày 26/03/2021, Lưu Văn N đến nhà anh Đặng Văn Thành, sinh năm 1985 ở cùng thôn chơi rồi ngủ lại tại đây. Đến khoảng 09 giờ ngày 27/03/2021, N đi sang nhà anh Đặng Văn A, sinh năm 1990 (ở sát nhà anh Thành) để đi vệ sinh nhờ. Khi N đi đến cửa chính nhà anh A thấy cửa mở khép nên N nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh A để trộm cắp tài sản. Quan sát không có người, N đi vào trong phòng ngủ nhà anh A thì thấy anh A đang nằm ngủ trên giường, trên đầu giường có để 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, loại máy NOTE 10 LITE, màu đen đang cắm sạc. N tiến lại gần, dùng tay rút điện thoại khỏi dây sạc rồi cất điện thoại vào túi quần đang mặc. Sau đó, N đi về nhà rồi bắt xe ôm đến cửa hàng mua bán điện thoại bán cho anh Lê Thế D, sinh năm 1986 ở số 75, tổ dân phố K, thị trấn X, huyện Lục Ngạn được số tiền 3.800.000 đồng, số tiền bán điện thoại N khai đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam ngày 01/4/2021 kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, loại máy NOTE 10 LITE, màu đen có giá trị: 10.450.000 đồng.

Đối với anh Lê Thế D khi mua chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY, loại máy NOTE 10 LITE của N, anh D không biết chiếc điện thoại trên là do N trộm cắp mà có. Sau khi mua, anh D đã bán chiếc điện thoại trên cho khách nên Cơ quan điều tra không thu hồi được và không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Văn A yêu cầu N phải bồi thường cho anh số tiền 10.450.000 đồng.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 31/03/2021, khi N đang ngồi chơi cùng với anh Đào Văn Hiệp, sinh năm 1997, trú quán thôn Ao Sen, xã T, huyện Lục Nam ở quán nhà anh Ngô Văn Quyền, sinh năm 1997 ở khu vực ngã ba Gàng thuộc thôn Đình Gàng, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang thì N thấy anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1999 ở thôn B, xã T, huyện Lục Nam đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ, đen, BKS 98B2- 476.47 đến (xe mô tô trên anh C mượn của ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1964 ở cùng thôn). Do bản thân N nghiện ma túy và đang không có tiền nên N hỏi C mượn chiếc xe mô tô trên, mục đích để N đi cầm cố chứng minh thư nhân dân của N và N hẹn 01 tiếng mang xe về trả cho C. Sau đó C giao xe mô tô cho N và nói "anh đi nhanh về trả xe cho em, chiều em có việc". Sau khi mượn được xe mô tô, N điều khiển lên khu vực thị trấn X, huyện Lục Ngạn, N vào một số cửa hàng cầm đồ để cầm cắm chứng minh nhân dân nhưng không được. Lúc này, do cần tiền mua ma túy nên N nảy sinh ý định mang xe mô tô của anh C đi

cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng. N đi xe mô tô đến khu vực bãi trông giữ xe của chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980 ở khu vực chợ X, tổ dân phố Z, thị trấn X, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đặt vấn đề cầm cố vay số tiền 500.000 đồng. Chị Q hỏi "xe của ai", N trả lời "xe của em, em đang có việc vội không mang theo giấy tờ", chị Q đồng ý rồi đưa cho N 500.000 đồng. Sau khi cầm cố được xe mô tô, N khai ra khu vực thị trấn X, huyện Lục Ngạn gặp và hỏi mua 200.000 đồng tiền ma túy Heroin của người đàn ông không quen biết để sử dụng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, anh C không thấy N mang xe về trả nên điện thoại gọi cho N đòi xe nhưng N không nghe máy, đến khoảng 13 giờ 30 phút do không có tiền chuộc xe, N gọi điện cho anh C nói dối "xe đang bị cảnh sát giao thông giữ" rồi N tắt máy điện thoại. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh C đi tìm N để đòi xe thì gặp N đang đi bộ ở khu vực cầu Nam Dương, huyện Lục Ngạn. Anh C hỏi "xe máy đâu", thì N trả lời "cắm xe rồi", anh C yêu cầu N chuộc xe ra trả cho anh C nhưng N không có tiền chuộc xe. Sau đó, anh C làm trình báo và giao nộp 01 giấy đăng ký xe mô tô, BKS 98B2- 476.47 mang tên Nguyễn Văn Y.

Cùng ngày, Lưu Văn N đã đến Công an xã T đầu thú và giao nộp: 01 chiếc ví da màu đen đã cũ; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Văn N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh, đen và số tiền 205.000 đồng.

Ngày 01/4/2021, sau khi tiếp nhận người, tài liệu do Công an xã chuyển đến, Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam đã tiến hành test nhanh ma túy đối với N, kết quả: N dương tính với chất ma túy Heroin (BL 143). Cùng ngày, chị Nguyễn Thị Q giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ, đen, BKS 98B2- 476.47.

Tại Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam ngày 01/4/2021, kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đen,đỏ, BKS 98B2- 476.47; số máy: JA31E0292442; số khung: 3102EY080122, có giá trị là: 11.250.000 đồng.

Đối với chị Nguyễn Thị Q, khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 98B2-476.47 của N, chị Q không biết đó là tài sản do N phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho N ngày 31/03/2021 tại khu vực thị trấn X, huyện Lục Ngạn, N khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 31/03/2021 của N, ngày 28/5/2021, Công an huyện Lục Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Về trách nhiệm dân sự: Anh C, chị Q đều không yêu cầu N phải bồi thường.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ, đen, BKS 98B2- 476.47 và 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 98B2 - 476.47 cho bị hại. Còn 01 chiếc ví da màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Văn N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

Itel, màu xanh đen và số tiền 205.000 đồng Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Lưu Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 11/06/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố Lưu Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" khoản 1 Điều 173 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam trình bày lời luận tội, phân tích hành vi, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và tuyên bố bị cáo Lưu Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điều luật và xử phạt đối với bị cáo như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Lưu Văn N từ 09 đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; từ 09 đến 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội từ 18 tù đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo trả lại anh Đặng Văn A số tiền là 10.450.000đ.

Về vật chứng: Trả lại bị cáo 01 chiếc ví da màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Văn N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh đen, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 205.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Lục Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ Q quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lưu Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp

với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 27/03/2021, lợi dụng sơ hở Lưu Văn N đã đột nhập vào phòng ngủ nhà anh Đặng Văn A, sinh năm 1990 ở thôn M, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, loại máy NOTE 10 LITE, màu đen, trị giá 10.450.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 31/03/2021, Lưu Văn N mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đen, đỏ, BKS 98B2- 476.47 của anh Nguyễn Văn C để đi lên thị trấn X, huyện Lục Ngạn. Sau khi mượn được xe mô tô, do không có tiền mua ma túy, N mang chiếc xe mô tô trên đi cầm cắm cho chị Nguyễn Thị Q được số tiền 500.000 đồng. Trị giá chiếc xe mô tô N chiếm đoạt của anh C là 11.250.000 đồng. Tài sản đã thu hồi được trả lại cho bị hại.

[3]. Hành vi của bị cáo Lưu Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ Luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến Công an xã T đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.3]. Về nhân thân: Ngày 18/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam ra quyết định áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn18 tháng.

[5]. Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo chưa có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Đặng Văn A yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại của anh đã bị bị cáo lấy trộm, bán đi, không thu hồi lại được theo giá của Hội đồng định giá là 10.450.000đ. Yêu cầu của anh A là chính đáng, có căn cứ pháp luật, tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả anh A số tiền trên nên buộc bị cáo phải trả anh A số tiền là 10.450.000đ.

[8]. Về vật chứng: 01 chiếc ví da màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Văn N là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh đen là tài sản của bị cáo, không Q quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Số tiền 205.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9]. Đối với anh Lê Thế D khi mua chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY, loại máy NOTE 10 LITE của N, anh D không biết chiếc điện thoại trên là do N trộm cắp mà có. Sau khi mua, anh D đã bán chiếc điện thoại trên cho khách nên Cơ quan điều tra không thu hồi được và không đề cập xử lý; chị Nguyễn Thị Q, khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 98B2- 476.47 của N, chị Q không biết đó là tài sản do N phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý; người đàn ông bán ma túy cho N ngày 31/03/2021 tại khu vực thị trấn X, huyện Lục Ngạn, N khai không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phại chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 522.500đ ans phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ Q quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn N 10 (mười) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản; 11 (mười một) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 01/04/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luậ hình sự, buộc bị cáo trả lại anh Đặng Văn A số tiền là 10.450.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luậ hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại bị cáo 01 chiếc ví da màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Văn N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh đen, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 205.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí ch bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ Q quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Bị cáo;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Người TGTT vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án, v/p.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân